

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình
Trụ sở làm việc Đội quản lý thị trường số 1 và số 16
thuộc Chi cục Quản lý thị trường tỉnh Thanh Hóa**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng năm 2014;

Căn cứ Nghị định của Chính phủ: số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 về quản lý chất lượng và bảo trì công trình; số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư của Bộ Xây dựng: số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình; số 06/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 về việc hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 3667/QĐ-UBND ngày 23/9/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng Trụ sở làm việc Đội quản lý thị trường số 1 và số 16 thuộc Chi cục Quản lý thị trường tỉnh Thanh Hóa; Quyết định số 1874/QĐ-UBND ngày 01/6/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh đính chính Quyết định số 3667/QĐ-UBND ngày 23/9/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình Trụ sở làm việc Đội quản lý thị trường số 1 và số 16 thuộc Chi cục Quản lý thị trường tỉnh Thanh Hóa;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 6662/SXD-HĐXD ngày 18/11/2016 về phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình Trụ sở làm việc Đội quản lý thị trường số 1 và số 16 thuộc Chi cục Quản lý thị trường tỉnh Thanh Hóa (kèm theo hồ sơ),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình Trụ sở làm việc Đội quản lý thị trường số 1 và số 16 thuộc Chi cục Quản lý thị trường tỉnh Thanh Hóa với những nội dung sau:

- 1. Tên công trình:** Trụ sở làm việc Đội quản lý thị trường số 1 và số 16 thuộc Chi cục Quản lý thị trường tỉnh Thanh Hóa.
- 2. Loại, cấp công trình:** Công trình dân dụng, cấp III.
- 3. Chủ đầu tư:** Chi cục Quản lý thị trường tỉnh Thanh Hóa.

4. Địa điểm xây dựng: Phường Quảng Thành, thành phố Thanh Hóa.

5. Nhà thầu thiết kế xây dựng công trình, lập dự toán xây dựng: Công ty Cổ phần tư vấn đầu tư phát triển 286.

6. Quy mô, chỉ tiêu kỹ thuật và giải pháp thiết kế chủ yếu

6.1. Hạ tầng kỹ thuật phụ trợ.

a) San nền: Thiết kế san nền theo phương pháp đường đồng mức, cao độ san nền cao nhất 3,40m, thấp nhất 3,10m, đảm bảo thoát nước mặt về phía Đông - Bắc của khu đất, vật liệu san nền bằng cát san nền đầm chặt $k=0,90$.

b) Sân đường nội bộ: Cấu tạo gồm các lớp: bê tông đá 1x2 mác 200, dày 20cm, lớp nilon tái sinh, cấp phối đá dăm loại 1, cát san nền đầm chặt; mặt sân được bố trí các khe co giãn, khoảng cách trung bình 5m/1 khe; bó vỉa bằng bê tông đá 1x2, mác 200, vát kích thước 26x23x100cm.

c) Cấp, thoát nước:

- Cấp nước cho dự án được đầu nối từ hệ thống cấp nước sinh hoạt của khu vực, cấp nước cho các công trình trong dự án và bể nước ngầm qua các ống cấp nước chôn ngầm, nước từ bể nước ngầm cấp cho các trụ cứu hỏa ngoài nhà, tưới cây, rửa đường.

- Thoát nước: Toàn bộ khuôn viên khu đất được thiết kế hệ thống rãnh thoát nước kết hợp hố ga, thoát nước theo nguyên tắc tự chảy theo độ dốc thiết kế và đầu nối với rãnh thoát nước khu vực theo quy hoạch.

d) Cấp điện, chiếu sáng: Nguồn điện cấp cho dự án được đầu nối nguồn điện hiện có của khu vực qua trạm biến áp xây mới đến tủ điện tổng cấp cho các công trình trong dự án và hệ thống chiếu sáng bằng cáp ngầm. Hệ thống đèn chiếu sáng trong khuôn viên khu đất sử dụng đèn cao áp 250W và đèn chùm trang trí.

e) Cổng, tường rào:

- Cổng chính rộng 10,5m, cổng phụ rộng 10m. Cánh cổng sử dụng cổng xếp inox tự động. Trụ cổng bằng BTCT đá 1x2, mác 200; bên ngoài xây bao bằng gạch tiêu chuẩn, toàn bộ mặt ngoài ốp đá grannit. Giải pháp móng đơn BTCT đá 1x2, mác 200 trên nền gia cố đệm cát và cọc tre dưới trụ cổng.

- Tường rào song sắt tổng chiều dài 116m. Thân tường xây gạch tiêu chuẩn trát hoàn thiện; hoa sắt bảo vệ dùng sắt vuông kết hợp sắt hộp sơn chống gỉ màu trắng, khoảng cách 3,0m bổ trụ gạch. Móng tường rào xây đá hộc, giằng tường đổ BTCT đá 1x2 mác 200.

- Tường rào đoạn đặc tổng chiều dài 190m. Thân tường xây gạch tiêu chuẩn trát hoàn thiện, khoảng cách 3m bổ trụ, cách 30m bố trí khe lún. Toàn bộ tường rào quét vôi ve hoàn thiện. Móng tường rào xây đá hộc, giằng tường đổ BTCT đá 1x2, mác 200.

g) Bể nước ngầm: Bể có kích thước 7,0x9,0x3,2m. Tường, đáy, nắp bể

BTCT đá 1x2, mác 250 đổ tại chỗ.

6.2. Nhà làm việc 7 tầng.

a) Giải pháp kiến trúc:

- Công trình có quy mô 07 tầng, mặt bằng hình chữ nhật kích thước 14,3x20m (tính từ tim đến tim). Chiều cao công trình là 28,3m (tính từ cos mặt sân hoàn thiện đến cos đỉnh mái), cos nền tầng 1 (cos 0,00) cao hơn cos sân hoàn thiện 0,75m. Tầng 1 cao 3,9m, mặt bằng bố trí sảnh đón, đại sảnh, các phòng làm việc, phòng vệ sinh. Tầng 2 cao 3,6m, mặt bằng bố trí các phòng làm việc, phòng vệ sinh. Tầng 3 cao 3,6m, mặt bằng bố trí phòng họp đội 1, các phòng làm việc, phòng vệ sinh. Tầng 4 cao 3,6m, mặt bằng bố trí phòng họp đội 16, các phòng làm việc, phòng vệ sinh. Tầng 5 cao 3,6m, mặt bằng bố trí phòng ăn đội 1, phòng ăn đội 16, các phòng làm việc, phòng vệ sinh. Tầng 6 cao 4,2m, mặt bằng bố trí hội trường 160m², không gian nghỉ giải lao, kho, phòng vệ sinh. Tầng 7 (tầng tum) cao 2,9m, mặt bằng bố trí phòng máy + thang bộ, không gian áp mái. Mái lợp tôn múi trên hệ tường thu hồi, vì kèo thép. Phần mái phòng máy đổ BTCT.

- Giao thông đứng sử dụng thang máy, thang bộ, thang thoát hiểm; hành lang rộng 2,3m. Thang bộ đổ BTCT, bản thang dày 100mm, mặt bậc, cổ bậc ốp đá grannit; thang sắt thoát hiểm ngoài nhà, bậc thang thép tấm.

- Nền, sàn các phòng lát gạch Ceramic 600x600mm, nền phòng vệ sinh lát gạch chống trơn 300x300mm, sàn mái lát gạch đất nung 400x400mm. Hệ thống cửa đi, cửa sổ sử dụng bằng cửa nhựa lõi thép, cửa kính cường lực, cửa sổ có hoa sắt bảo vệ bên trong, hoa sắt cửa sổ gia công bằng sắt vuông 12x12mm.

b) Giải pháp kết cấu: Phần móng sử dụng giải pháp móng cọc BTCT đúc sẵn mác 250, cọc tiết diện 250x250mm dài 28m (gồm 3 đoạn); đài, dầm, giằng móng BTCT đá 1x2, mác 250 đổ tại chỗ. Phần thân sử dụng hệ khung kết cấu BTCT chịu lực; cột, dầm, sàn BTCT đá 1x2, mác 250 đổ tại chỗ; tiết diện dầm điển hình: 220x300mm, 220x400mm, 220x500mm và 220x700mm; tiết diện cột điển hình 220x220mm, 220x300mm và 300x400mm; sàn BTCT điển hình dày 120mm.

c) Giải pháp cấp điện, chống sét:

- Nguồn điện cấp cho công trình được lấy từ tủ điện tổng của dự án cấp đến công trình. Dây dẫn trong phòng cấp cho các thiết bị sử dụng điện dùng dây Cu/PVC (2x2,5)mm², Cu/PVC (2x1,5)mm². Hệ thống dây dẫn điện luồn trong ống gen đi ngầm trong tường và trần. Hệ thống điện nhẹ, điều hòa, thông gió được thiết kế đồng bộ với quy mô công trình.

- Hệ thống chống sét trên mái công trình sử dụng kim thu sét phát xạ sớm cao 5m, dây dẫn sử dụng cáp đồng trần 70mm². Hệ cọc tiếp địa bằng đồng D18 dài 2,5m.

d) Giải pháp cấp, thoát nước:

- Nước sạch từ bể nước ngầm của công trình bơm lên téc nước đặt trên mái, sau đó cấp xuống thiết bị dùng nước tại các khu vệ sinh và hòng cứu hỏa vách tường.

- Thoát nước thải từ xí, tiểu, được thu vào hệ thống đường ống riêng qua bể tự hoại xử lý và thoát ra rãnh thoát nước ngoài nhà. Nước thải từ phểu sàn, lavabo, nước mưa trên mái được thu vào đường ống và thải trực tiếp ra rãnh thoát nước bên ngoài.

- Bể tự hoại, bể nước ngầm: Tường bể xây gạch, đáy bể đổ BTCT đá 1x2 tại chỗ mác 200. Nắp bể dùng tấm đan BTCT mác 200.

e) Giải pháp phòng cháy chữa cháy: Hệ thống chữa cháy trong nhà gồm: các tủ chữa cháy, bộ tiêu lệnh chữa cháy đặt tại vị trí hành lang và thang bộ các tầng; mỗi tủ chữa cháy gồm có: 01 bình chữa cháy xách tay khí CO₂-MT3; 02 bình chữa cháy bột MFZ4; hộp hòng nước chữa cháy vách tường. Hệ thống báo cháy gồm: tủ báo cháy trung tâm, đầu báo khói, báo nhiệt, chuông báo cháy, nút bấm báo cháy, hệ thống đèn thông báo.

g) Giải pháp chống mối: Tiến hành xử lý chống mối bên ngoài, mặt nền công trình bằng cách phun dung dịch chống mối.

6.3. Nhà kho (4 nhà).

a) Giải pháp kiến trúc:

Công trình có quy mô 01 tầng, mặt bằng hình chữ nhật kích thước 32x16m. Chiều cao công trình là 7,95m (tính từ cos mặt sân hoàn thiện đến cos đỉnh mái), cos nền tầng 1 (cos 0,00) cao hơn cos sân hoàn thiện 0,15m. Nền cấu tạo gồm: bê tông đá 1x2 mác 200 dày 150mm, lớp nilon tái sinh, cấp phối đá dăm loại 1, lớp đất san nền đầm chặt. Hệ thống cửa đi, cửa sổ sử dụng cửa khung thép.

b) Giải pháp kết cấu:

Phần móng sử dụng giải pháp móng đơn BTCT đá 1x2, mác 200; dầm, giằng móng BTCT đá 1x2, mác 200 đổ tại chỗ. Toàn bộ móng dưới nền gia cố đệm cát và cọc tre.

Phần thân sử dụng kết cấu khung thép hình tổ hợp hàn liên kết bu lông với móng. Tường bao che bằng gạch được tăng cứng bằng hệ thống giằng tường BTCT. Mái lợp tôn sóng kết hợp tôn lấy sáng trên hệ vì kèo, xà gồ thép hình.

c) Giải pháp cấp điện: Nguồn điện cấp cho công trình được lấy từ tủ điện tổng của dự án cấp đến công trình. Dây dẫn trong phòng cấp cho các thiết bị sử dụng điện dùng dây Cu/PVC (2x2,5)mm², Cu/PVC (2x1,5)mm². Hệ thống dây dẫn điện luôn trong ống gen đi ngầm trong tường và trần.

e) Giải pháp phòng cháy chữa cháy: Hệ thống chữa cháy trong nhà gồm: các tủ chữa cháy, bộ tiêu lệnh chữa cháy, mỗi tủ chữa cháy gồm có: 01 bình chữa cháy xách tay khí CO₂-MT3; 02 bình chữa cháy bột MFZ4; Hệ thống báo cháy gồm: tủ báo cháy trung tâm, đầu báo khói, báo nhiệt, chuông báo cháy, nút

bấm báo cháy, hệ thống đèn thông báo.

g) Giải pháp chống mối: Tiến hành xử lý chống mối bên ngoài, mặt nền công trình bằng cách phun dung dịch chống mối.

6.4. Nhà bảo vệ

a) Giải pháp kiến trúc: Công trình có quy mô 1 tầng, mặt bằng hình chữ nhật kích thước 4,0x5,6m, chiều cao công trình là 4,1m (tính từ cos mặt sân hoàn thiện đến cos đỉnh mái), cos nền tầng 1 (cos 0,00) cao hơn cos sân hoàn thiện 0,15m; Mặt bằng bố trí phòng trực bảo vệ, phòng kỹ thuật, phòng vệ sinh; Nền lát gạch ceramic 400x400mm, nền vệ sinh lát gạch chống trơn kích thước 250x250mm. Mái lợp tôn múi chống nóng trên hệ thống tường thu hồi, xà gồ thép hình. Hệ thống cửa đi, cửa sổ sử dụng bằng cửa nhựa lõi thép, cửa sổ có hoa sắt bảo vệ bên trong, hoa sắt cửa sổ gia công bằng sắt vuông 12x12mm.

b) Giải pháp kết cấu:

Phần móng sử dụng giải pháp móng đơn BTCT đá 1x2, mác 200 dưới cột; Móng băng xây gạch đặc vữa xi măng mác 75 dưới tường, giằng móng BTCT đá 1x2, mác 200; Toàn bộ móng được gia cố trên nền đệm cát và cọc tre.

Phần thân sử dụng hệ khung kết cấu BTCT chịu lực; cột, dầm, sàn BTCT đá 1x2 mác 200 đổ tại chỗ; tiết diện dầm điển hình: 220x350mm; tiết diện cột điển hình 220x220mm; sàn BTCT điển hình dày 100mm.

c) Giải pháp cấp điện:

Nguồn điện cấp cho công trình được lấy từ tủ điện tổng của dự án cấp đến công trình. Dây dẫn trong phòng cấp cho các thiết bị sử dụng điện dùng dây Cu/PVC (2x2,5)mm², Cu/PVC (2x1,5)mm². Hệ thống dây dẫn điện luôn trong ống gen đi ngầm trong tường và trần.

d) Giải pháp cấp, thoát nước:

Nguồn nước cấp cho công trình được lấy từ nguồn cấp nước chung của dự án bơm lên téc nước đặt trên mái sau đó cấp xuống thiết bị dùng nước tại các khu vệ sinh.

Thoát nước thải từ xí, tiểu, được thu vào hệ thống đường ống riêng qua bể tự hoại xử lý và thoát ra rãnh thoát nước ngoài nhà. Nước thải từ phễu sàn, lavabo, nước mưa trên mái được thu vào đường ống và thải trực tiếp ra rãnh thoát nước bên ngoài.

Bể tự hoại: Tường bể xây gạch. Đáy bể đổ BTCT đá 1x2 tại chỗ mác 200. Nắp bể dùng tám đan BTCT mác 200 đúc sẵn.

e) Giải pháp phòng cháy chữa cháy: Công trình sử dụng các bình chữa cháy cầm tay.

6.5. Nhà để xe máy nhân viên:

Công trình có quy mô 01 tầng, mặt bằng hình chữ nhật kích thước

12,0x5,0m. Chiều cao công trình là 2,75m (tính từ cos mặt sân hoàn thiện đến cos đỉnh mái), cos nền tầng 1 (cos 0,00) cao hơn cos sân hoàn thiện 0,05m. Nền cấu tạo gồm: bê tông đá 1x2 mác 200 dày 150mm, lớp đất san nền đầm chặt. Phần móng sử dụng giải pháp móng đơn BTCT. Phần thân sử dụng khung thép ống kẽm, mái lợp tôn sóng.

7. Dự toán xây dựng công trình (làm tròn): 36.484.240.000 đồng (Bằng chữ: Ba mươi sáu tỷ, bốn trăm tám mươi tư triệu, hai trăm bốn mươi nghìn đồng); trong đó:

- Chi phí xây dựng: 26.192.002.000 đồng;
- Chi phí xây dựng: 4.461.624.860 đồng;
- Chi phí quản lý dự án: 580.189.556 đồng;
- Chi phí tư vấn ĐTXD: 2.222.367.604 đồng;
- Chi phí khác: 1.456.964.591 đồng;
- Chi phí dự phòng: 1.571.091.687 đồng.

(Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng kèm theo Tờ trình số 6662/SXD-HĐXD ngày 18/11/2016 của Sở Xây dựng).

8. Các nội dung khác: Thực hiện theo Quyết định số 3667/QĐ-UBND ngày 23/9/2015 và số 1874/QĐ-UBND ngày 01/6/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng Trụ sở làm việc Đội quản lý thị trường số 1 và số 16 thuộc Chi cục Quản lý thị trường tỉnh Thanh Hóa.

Điều 2. Chi cục Quản lý thị trường tỉnh Thanh Hóa (chủ đầu tư) thực hiện ký hợp đồng thuê Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp Thanh Hoá để thực hiện việc quản lý dự án theo quy định; đồng thời tổ chức thực hiện theo đúng các quy định hiện hành của pháp luật về đầu tư xây dựng công trình.

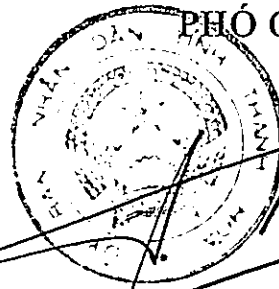
Điều 3. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở: Xây dựng, Công Thương; Chi cục Trưởng Chi cục Quản lý thị trường tỉnh Thanh Hóa; Thủ trưởng các ngành, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CN.(M11.14)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Ngô Văn Tuấn